

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HOÀ**

Số: 02 /2013/NQ-HĐND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hoà, ngày 01 tháng 3 năm 2013

02
14/03/13

NGHỊ QUYẾT

**Về một số chế độ chi tiêu phục vụ hoạt động của
Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ
KHOÁ V, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quy chế hoạt động Hội đồng nhân dân ngày 02 tháng 4 năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết 545/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 11 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 555/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thực hiện phụ cấp công tác đại biểu Quốc hội;

Sau khi xem xét Tờ trình số 976/TTr-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Báo cáo thẩm tra số 05/BC-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Chế độ chi tiêu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các cơ quan phục vụ trực tiếp hoạt động của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Việc chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phải có trong dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở chế độ, định mức được quy định tại Nghị quyết này và các quy định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Sử dụng có hiệu quả kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân; đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chế độ chi cho công tác thẩm tra Nghị quyết

1. Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra:

a) Đối với các báo cáo thẩm tra về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách, kế hoạch đầu tư phát triển, các đề án, quy hoạch và thẩm tra về lĩnh vực tư pháp, mức chi như sau:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo;
- Cấp huyện: 250.000 đồng/báo cáo;
- Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.

b) Đối với các báo cáo thông thường khác, mức chi như sau:

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/báo cáo;

- Cấp huyện: 150.000 đồng/báo cáo;

- Cấp xã: 100.000 đồng/báo cáo.

2. Chi cho cá nhân tham gia cuộc họp thẩm tra:

a) Chủ trì cuộc họp, mức chi như sau:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;

- Cấp huyện: 80.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

b) Các thành viên dự họp theo danh sách họp và chuyên viên tổng hợp trực tiếp, mức chi như sau:

- Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;

- Cấp huyện: 50.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 30.000 đồng/người/buổi.

c) Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ cuộc họp, mức chi như sau:

- Cấp tỉnh: 50.000 đồng/người/buổi;

- Cấp huyện: 30.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 20.000 đồng/người/buổi.

Điều 4. Chế độ chi lấy ý kiến tham gia các dự án luật

Khi có yêu cầu tham gia lấy ý kiến dự án Luật, căn cứ quy định tại Nghị quyết 524/2012/NQ-UBTVQH13 và các văn bản hướng dẫn có liên quan, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định mức chi cho phù hợp.

Điều 5. Chế độ chi cho công tác giám sát, khảo sát

1. Chế độ chi hoạt động giám sát:

a) Đối với hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân:

* Chi xây dựng bộ hồ sơ giám sát (quyết định thành lập Đoàn giám sát, kế hoạch và đề cương giám sát), mức chi như sau:

- Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/bộ;

- Cấp huyện: 500.000 đồng/bộ;

- Cấp xã: 250.000 đồng/bộ.

* Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát:

- Chi xây dựng Thông báo kết luận giám sát tại cơ sở (nếu có), mức chi như sau: 100.000 đồng/báo cáo;

- Chi xây dựng báo cáo chung của Đoàn giám sát, mức chi như sau:
 - + Cấp tỉnh: 800.000 đồng/báo cáo;
 - + Cấp huyện: 400.000 đồng/báo cáo;
 - + Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.
- b) Đối với hoạt động giám sát của các ban Hội đồng nhân dân:
 - * Chi xây dựng bộ hồ sơ giám sát (quyết định thành lập Đoàn giám sát, kế hoạch và đề cương giám sát), mức chi như sau:
 - Cấp tỉnh: 600.000 đồng/bộ;
 - Cấp huyện: 300.000 đồng/bộ.
 - * Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát:
 - Chi xây dựng Thông báo kết luận giám sát tại cơ sở (nếu có), mức chi như sau: 100.000 đồng/báo cáo;
 - Chi xây dựng báo cáo chung của Đoàn giám sát, mức chi như sau:
 - + Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo;
 - + Cấp huyện: 250.000 đồng/báo cáo.
- 2. Chế độ chi cho hoạt động khảo sát:
 - a) Đối với hoạt động khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân:
 - * Chi xây dựng bộ hồ sơ khảo sát (kế hoạch và đề cương khảo sát) mức chi như sau:
 - Cấp tỉnh: 600.000 đồng/bộ;
 - Cấp huyện: 300.000 đồng/bộ;
 - Cấp xã: 150.000 đồng/bộ.
 - * Chi xây dựng báo cáo kết quả khảo sát, mức chi như sau:
 - + Cấp tỉnh: 600.000 đồng/báo cáo;
 - + Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo;
 - + Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.
 - b) Đối với hoạt động khảo sát của các ban Hội đồng nhân dân:
 - * Chi xây dựng bộ hồ sơ khảo sát (kế hoạch và đề cương khảo sát) mức chi như sau:
 - Cấp tỉnh: 400.000 đồng/bộ;
 - Cấp huyện: 200.000 đồng/bộ.

* Chi xây dựng báo cáo kết quả khảo sát, mức chi như sau:

+ Cấp tỉnh: 300.000 đồng/báo cáo;

+ Cấp huyện: 150.000 đồng/báo cáo.

3. Chế độ chi cho thành viên tham gia Đoàn giám sát, khảo sát:

Trong thời gian thực hiện hoạt động giám sát, khảo sát, ngoài chế độ công tác phí theo quy định của pháp luật hiện hành, chế độ chi đối với thành viên tham gia Đoàn giám sát, khảo sát như sau:

a) Trưởng đoàn:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;

- Cấp huyện: 80.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên tham gia Đoàn giám sát theo danh sách mời và chuyên viên tổng hợp trực tiếp, mức chi như sau:

- Cấp tỉnh: 70.000 đồng/người/buổi;

- Cấp huyện: 50.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 30.000 đồng/người/buổi.

c) Cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ mức chi như sau:

- Cấp tỉnh: 50.000 đồng/người/buổi;

- Cấp huyện: 30.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 20.000 đồng/người/buổi.

4. Chế độ chi mời chuyên gia phục vụ hoạt động giám sát, khảo sát:

Tùy theo nội dung và tính cấp thiết của chuyên đề giám sát, khảo sát, Thường trực Hội đồng nhân dân ký hợp đồng với chuyên gia, mức chi tối đa là 2.000.000 đồng/bài.

5. Chế độ chi giám sát văn bản quy phạm pháp luật:

Các mức chi cụ thể thực hiện như quy định đối với hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân.

6. Chế độ chi giám sát hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo:

a) Chi cho việc nghiên cứu, tổng hợp và chuyển văn bản xử lý đơn thư, mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 32/2012/NQ-HĐND ngày 05/12/2012 của HĐND tỉnh về chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

b) Chi hoạt động giám sát việc giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo trình Thường trực Hội đồng nhân dân (bao gồm cả hoạt động xác minh, thu thập thông tin), mức chi thực hiện như quy định đối với hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân.

c) Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, mức chi thực hiện như quy định đối với báo cáo kết quả giám sát chung của Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân.

Điều 6. Chế độ chi cho hoạt động chất vấn, giải trình

1. Chi xây dựng bộ hồ sơ chất vấn (tổng hợp ý kiến chất vấn, kế hoạch chi tiết phiên giải trình) tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, mức chi như sau:

a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/bộ.

b) Cấp huyện: 250.000 đồng/bộ.

c) Cấp xã: 100.000 đồng/bộ.

2. Chi phục vụ hoạt động giải trình, thực hiện như chế độ chi đối với hoạt động thẩm tra.

3. Chi xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về chất vấn (nếu có), mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTP-BTC của Liên Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính.

Điều 7. Chế độ chi tiếp xúc cử tri theo chương trình tiếp xúc cử tri của Hội đồng nhân dân

1. Chi hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri, mức chi như sau:

a) Cấp tỉnh: 800.000 đồng/điểm.

b) Cấp huyện: 400.000 đồng/điểm.

c) Cấp xã: 200.000 đồng/điểm.

(Trong trường hợp tiếp xúc cử tri đại biểu Hội đồng nhân dân 02 cấp thì chi được hỗ trợ theo mức cao nhất)

2. Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định pháp luật hiện hành, thực hiện hỗ trợ tiếp xúc cử tri với mức chi như sau:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân, lãnh đạo cấp huyện, cấp xã không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân (người làm công tác tổ chức; người có trách nhiệm trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri) và chuyên viên tổng hợp trực tiếp:

- Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;

- Cấp huyện: 50.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 30.000 đồng/người/buổi.

b) *Cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ mức chi như sau:*

- Cấp tỉnh: 50.000 đồng/người/buổi;

- Cấp huyện: 30.000 đồng/người/buổi;

- Cấp xã: 20.000 đồng/người/buổi.

3. Chi sinh hoạt tổ đại biểu Hội đồng nhân dân trước và sau khi tiếp xúc cử tri, mức chi như sau:

a) Cấp tỉnh: 300.000 đồng/tổ/kỳ họp.

b) Cấp huyện: 150.000 đồng/tổ/kỳ họp.

c) Cấp xã: 100.000 đồng/tổ/kỳ họp.

4. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri của các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, mức chi như sau:

a) Cấp tỉnh: 150.000 đồng/báo cáo.

b) Cấp huyện: 80.000 đồng/báo cáo.

c) Cấp xã: 50.000 đồng/báo cáo.

5. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri trình Hội đồng nhân dân, mức chi như sau:

a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo.

b) Cấp huyện: 250.000 đồng/báo cáo.

c) Cấp xã: 100.000 đồng/báo cáo.

Điều 8. Chế độ chi xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hàng năm của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân; báo cáo định kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Chi xây dựng báo cáo của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, mức chi như sau:

- Cấp tỉnh: 400.000 đồng/báo cáo.

- Cấp huyện: 200.000 đồng/báo cáo.

- Cấp xã: 100.000 đồng/báo cáo.

2. Chi xây dựng báo cáo hoạt động định kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, mức chi như sau:

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/báo cáo
- Cấp huyện: 150.000 đồng/báo cáo

Điều 9. Chế độ chi xây dựng Nghị quyết do Thường trực Hội đồng nhân dân trình

1. Chi xây dựng Tờ trình và dự thảo Nghị quyết do Thường trực Hội đồng nhân dân trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTP-BTC của Liên Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính.

2. Chi cho việc rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện Nghị quyết sau khi Hội đồng nhân dân thông qua, mức chi là 100.000 đồng/ng nghị quyết (áp dụng chung cho cả 03 cấp: tỉnh, huyện, xã).

Điều 10. Chế độ chi kỳ họp, phiên họp của Đảng đoàn, Thường trực Hội đồng nhân dân; Hội nghị giao ban hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn của giữa Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp

1. Chế độ chi kỳ họp Hội đồng nhân dân:

a) Chủ trì kỳ họp, mức chi như sau:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;
- Cấp huyện: 80.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

b) Thư ký kỳ họp, mức chi như sau:

- Cấp tỉnh: 120.000 đồng/người/buổi
- Cấp huyện: 60.000 đồng/người/buổi
- Cấp xã: 40.000 đồng/người/buổi

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu mời tham dự kỳ họp theo danh sách mời, mức chi như sau:

- Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;
- Cấp huyện: 50.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 30.000 đồng/người/buổi.

d) Cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ, mức chi như sau:

- Cấp tỉnh: 50.000 đồng/người/buổi;
- Cấp huyện: 30.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 20.000 đồng/người/buổi.

2. Chế độ chi cuộc họp của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân; Hội nghị giao ban hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn giữa Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp, mức chi như sau:

a) Chủ trì cuộc họp:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;
- Cấp huyện: 80.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên dự họp theo danh sách mời và chuyên viên tổng hợp trực tiếp:

- Cấp tỉnh: 70.000 đồng/người/buổi;
- Cấp huyện: 50.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 30.000 đồng/người/buổi.

c) Cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ, mức chi như sau:

- Cấp tỉnh: 50.000 đồng/người/buổi;
- Cấp huyện: 30.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 20.000 đồng/người/buổi.

Điều 11. Chế độ hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Chế độ sinh hoạt phí cho đại biểu Hội đồng nhân dân, mức chi như sau:

- a) Cấp tỉnh: bằng 0,5 mức lương tối thiểu/đại biểu/tháng.
- b) Cấp huyện: bằng 0,4 mức lương tối thiểu/đại biểu/tháng.
- c) Cấp xã: bằng 0,3 mức lương tối thiểu/đại biểu/tháng.

2. Chế độ phụ cấp kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo của Hội đồng nhân dân:

Đối với các chức danh kiêm nhiệm của Hội đồng nhân dân các cấp (Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó Trưởng ban các ban Hội đồng nhân dân) được hưởng phụ cấp bằng 10% mức lương chức vụ hoặc mức lương chuyên môn, nghiệp vụ cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hiện hưởng theo quy định tại Thông tư 78/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Ban Tổ chức Trung ương.

Hội đồng nhân dân các cấp chịu chi trả khoản phụ cấp này.

3. Chế độ phụ cấp công tác đối với đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách:

Ngoài chế độ sinh hoạt phí, phụ cấp chức vụ, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách giữ các chức vụ được hưởng chế độ phụ cấp công tác hàng tháng,

mức phụ cấp tính theo hệ số nhân với mức lương tối thiểu chung tại thời điểm, cụ thể như sau:

a) Cấp tỉnh:

- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 1,5;
- Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân: 1,4;
- Trưởng ban Hội đồng nhân dân: 1,3;
- Phó Trưởng ban Hội đồng nhân dân: 1,2.

b) Cấp huyện:

- Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 1,1;
- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 1,0;
- Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân: 0,9.

c) Cấp xã:

- Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 0,5;
- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 0,4.

4. Chế độ hỗ trợ hàng tháng đối với Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp bằng hệ số 0,1 nhân với mức lương tối thiểu chung tính tại thời điểm.

5. Chế độ hỗ trợ cho đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

a) Bảo hiểm y tế và chế độ mai táng: Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp không hưởng lương từ ngân sách được cấp thẻ bảo hiểm y tế bằng 4,5 % mức lương tối thiểu; khi qua đời nếu không tham gia bảo hiểm xã hội thì được hưởng chế độ mai táng bằng 10 tháng lương tối thiểu.

b) Hỗ trợ hoạt động đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đang làm việc tại các cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, mức chi như sau:

- Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 1.000.000đồng/đại biểu/năm;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: 700.000 đồng/đại biểu/năm;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: 500.000đồng/đại biểu/năm.

6. Chế độ hỗ trợ thông tin liên lạc:

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được hỗ trợ thông tin liên lạc, mức chi như sau:

- a) Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/tháng.
- b) Cấp huyện: 100.000 đồng/người/tháng.
- c) Cấp xã: 60.000 đồng/người/tháng.

Riêng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được đặt mua một (01) tờ báo “Người đại biểu nhân dân”.

7. Chế độ hỗ trợ trang phục:

- a) Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân:

Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp tiền may lễ phục với mức chi như sau:

- Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ;
- Cấp huyện: 3.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ;
- Cấp xã: 2.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.

Trường hợp đại biểu là đại biểu Hội đồng nhân dân 02 cấp trở lên thì được hưởng một mức cao nhất.

b) Cán bộ, công chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Lãnh đạo văn phòng Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện và chuyên viên trực tiếp phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân; Công chức Văn phòng HĐND-UBND cấp xã được cấp tiền may trang phục với mức chi như sau:

- Cấp tỉnh: 2.500.000 đồng/người/nhiệm kỳ;
- Cấp huyện: 1.500.000 đồng/người/nhiệm kỳ;
- Cấp xã: 1.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.

8. Chế độ tặng quà lưu niệm:

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khi không tiếp tục tham gia nhiệm kỳ tiếp theo được tặng quà lưu niệm, mức chi như sau:

- a) Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/người.
- b) Cấp huyện: 1.000.000 đồng/người.
- c) Cấp xã: 500.000 đồng/người.

Điều 12. Chế độ chi công tác xã hội

1. Chi thăm hỏi khi ốm đau nằm viện, lễ tang cho đại biểu Hội đồng nhân dân; nguyên là Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo các ban Hội đồng nhân dân, mức chi như sau:

- a) Thăm hỏi khi ốm đau nằm viện (không quá 02 lần/năm):

- Cấp tỉnh: 400.000 đồng/người/lần ;
 - Cấp huyện: 300.000 đồng/người/lần;
 - Cấp xã: 200.000 đồng/người/lần.
- b) Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo (không quá 02 lần/năm):
- Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/người/lần;
 - Cấp huyện: 1.000.000 đồng/người/lần;
 - Cấp xã: 700.000 đồng/người/lần.
- c) Phúng điếu đại biểu Hội đồng nhân dân và thân nhân (cha, mẹ, chồng hoặc vợ, con) đại biểu Hội đồng nhân dân:
- Cấp tỉnh: 400.000 đồng/người;
 - Cấp huyện: 300.000 đồng/người;
 - Cấp xã: 200.000 đồng/người.
- d) Đối với cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (người trực tiếp phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân), Công chức Văn phòng HĐND – UBND cấp xã được thực hiện chế độ thăm hỏi, phúng điếu như đại biểu Hội đồng nhân dân.
2. Chế độ chi thăm hỏi Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo các ban Hội đồng nhân dân (đã về hưu) nhân dịp Tết Nguyên đán, mức chi như sau:
- a) Đối với trường hợp nguyên là Thường trực Hội đồng nhân dân:
- Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/người;
 - Cấp huyện: 700.000 đồng/người;
 - Cấp xã: 500.000 đồng/người.
- b) Đối với trường hợp nguyên là Trưởng ban, Phó Trưởng ban Hội đồng nhân dân:
- Cấp tỉnh: 800.000 đồng/người;
 - Cấp huyện: 400.000 đồng/người.
3. Chế độ chi thăm hỏi, phúng điếu, lễ tết đối với các đối tượng khác do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.
4. Chế độ chi thăm hỏi các đơn vị, gia đình chính sách thực hiện chung theo chủ trương của Tỉnh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Kinh phí thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Các quy định về chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện từ kinh phí được giao hàng năm. Đối tượng chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm và thực hiện quyết toán với ngân sách cùng cấp.

2. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 10/3/2013 và thay thế Nghị quyết số 10/2009/NQ-HĐND ngày 08/4/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ hỗ trợ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 14. Tổ chức và giám sát thực hiện

1. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa V, kỳ họp chuyên đề thứ nhất thông qua.

Nơi nhận:

- UBTVQH; Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, các ban Đảng;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo (02 bản);
- Lưu VT, HV.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần An Khánh

